

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2020/DS-PT

Ngày: 25 - 12 - 2020

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng,
Hợp đồng thế chấp

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Hồng Vân.

Các Thẩm phán: Ông Võ Thạch Hùng

Ông Phạm Văn Phấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh nghệ An mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 92/2020/DSPT ngày 07 tháng 10 năm 2020 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp”.

Do Bản án sơ thẩm số 07/2020/DSST ngày 17/9/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Thái H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2020/QĐPT- DS ngày 24 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP V (VPBank).

Địa chỉ: Số 89 L, phường L, Quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí Dũng - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Phạm Tuấn A - Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm pháp luật Ngân hàng, SME và cá nhân VP Bank hội sở (Theo Văn bản uỷ quyền số 25/2020/UQ-HĐQT ngày 07/7/2020 của Chủ tịch Hội đồng quản trị, thay thế văn bản uỷ quyền số 03/2020/UQ-HĐQT ngày 02/3/2020 của Chủ tịch Hội đồng quản trị).

Người được uỷ quyền lại: Ông Phạm Thanh H- Chức vụ: Trưởng bộ phận xử lý nợ (vắng mặt).

Ông Lê Văn N - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ (vắng mặt).

Ông Bùi Huy H - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ (có mặt).

(Theo văn bản ủy quyền số 951a/2020/UQ-VPB ngày 19/8/2020 của Phó Giám đốc Trung tâm pháp luật Ngân hàng, SME và cá nhân, VP Bank hội sở, thay thế văn bản ủy quyền số 951/2020/UQ-VPB ngày 19/3/2020 của Phó Giám đốc Trung tâm pháp luật Ngân hàng, SME và cá nhân, VP Bank hội sở.

Cùng địa chỉ: Tầng 16, Tháp A, Tòa nhà Dầu Khí, số 7 đường Quang Tr, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

2. *Bị đơn*: Anh Nguyễn Quốc H, sinh năm 1991. Có mặt.

Chị Bùi Thị Đ, sinh năm 1991. Có mặt.

Đều trú tại: Xóm 5B, xã Nghĩa Th, thị xã Thái H, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2020/DSST ngày 17/9/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Thái H, vụ án có nội dung tóm tắt như sau:

Do cần tiền mua ô tô nên Anh Nguyễn Quốc H và Chị Bùi Thị Đ đã vay của Ngân hàng TMCP V- Chi nhánh Nghệ An một lần và vay của Phòng giao dịch Cửa Đông hai lần, cụ thể:

Khoản vay thứ nhất: Ngày 20/12/2016, Anh Nguyễn Quốc H và Chị Bùi Thị Đ đã ký Hợp đồng tín dụng số 10787887 vay của Ngân hàng TMCP V - Chi nhánh Nghệ An - Phòng giao dịch Cửa Đông (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) số tiền 750.000.000 (Bảy trăm năm mươi triệu) đồng theo khế ước nhận nợ số 10787887 ngày 20/12/2016. Thời hạn vay 60 tháng, tính từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên (20/10/2016 đến ngày 20/12/2021). Mục đích vay để mua ô tô. Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân đầu tiên là 9,8%/năm và sẽ được cố định trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời hạn 12 tháng lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần vào các ngày 01/01, 01/04, 01/7, 01/10 hàng năm, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 20/12/2017, điều chỉnh sau đó vào ngày 01/01/2018. Lãi suất tiết kiệm 24 tháng trả lãi sau bậc thang cao nhất của bên Ngân hàng đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 5%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn.

Về thời hạn trả nợ gốc và lãi: Bên vay phải trả nợ gốc và lãi cho bên Ngân hàng định kỳ mỗi tháng một lần vào ngày 20 hàng tháng. Kỳ trả nợ gốc và lãi đầu tiên vào ngày 20/01/2017 và kỳ trả nợ gốc và lãi cuối cùng vào ngày 20/12/2021.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay trên là một chiếc xe ô tô tải hiệu Dong Feng DFL loại xe tải tự đổ, sơn màu vàng, số khung DD37FH119735, số máy 3403078164896, biển kiểm soát 37C - 237.37, đăng ký mang tên Nguyễn Quốc H. Theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số 10787887 ngày 20/12/2016 và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Đà Nẵng.

Quá trình thực hiện hợp đồng tính đến ngày 29/6/2018 anh H, chị Đ đã trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 212.500.000 (Hai trăm mười hai triệu, năm trăm nghìn) đồng và 98.739.793 đồng tiền lãi. Tuy nhiên, sau đó anh H, chị Đ đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận trong hợp đồng, do đó Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ trên sang nợ quá hạn vào ngày 20/7/2018 và đã thông báo cho anh H, chị Đ. Sau khi Ngân hàng chuyển toàn bộ số nợ trên sang nợ quá hạn thì anh H chị Đ tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng số tiền gốc là 12.500.000 đồng và trả 6.094.691 đồng tiền lãi. Tính đến ngày 17/9/2020 anh H chị Đ còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 746.751.940 đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 525.000.000 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 9.658.193 đồng, nợ lãi quá hạn là 212.093.747 đồng.

Khoản vay thứ 2: Ngày 27/02/2017, Anh Nguyễn Quốc H và Chị Bùi Thị Đ đã ký Hợp đồng tín dụng số 12196313 vay của Ngân hàng TMCP V - Chi nhánh Nghệ An - Phòng giao dịch Cửa Đông (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) số tiền 800.000.000 (Tám trăm triệu) đồng theo khế ước nhận nợ số 12196313 ngày 27/02/2017. Thời hạn vay 72 tháng, tính từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên (27/02/2017 đến ngày 27/02/2023). Mục đích vay để mua ô tô. Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân đầu tiên là 9,9%/năm và sẽ được cố định trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời hạn 12 tháng lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần vào các ngày 01/01; 01/04; 01/7; 01/10 hàng năm, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 27/02/2018, điều chỉnh sau đó vào ngày 01/04/2018. Lãi suất tiết kiệm 24 tháng trả lãi sau bậc thang cao nhất của bên Ngân hàng đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 5%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn.

Về thời hạn trả nợ gốc và lãi: Bên vay phải trả nợ gốc và lãi cho bên Ngân hàng định kỳ mỗi tháng một lần vào ngày 27 hàng tháng. Kỳ trả nợ gốc và lãi đầu tiên vào ngày 27/03/2017 và kỳ trả nợ gốc và lãi cuối cùng vào ngày 27/02/2023.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay trên là một chiếc xe ô tô tải hiệu Dong Feng DFL loại xe tải tự đổ, sơn màu vàng, số khung C438G2816538, số máy 3A10E2G30002, biển kiểm soát 37C - 243.75, đăng ký mang tên Nguyễn Quốc H. Theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số 12196313 ngày 27/02/2017 tại Văn phòng công chứng Thành An và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Đà Nẵng.

Quá trình thực hiện hợp đồng tính đến ngày 01/7/2018 anh H, chị Đ đã trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 166.650.000 (Một trăm sáu mươi sáu triệu, sáu trăm năm mươi nghìn) đồng và 97.210.832 đồng tiền lãi. Tuy nhiên, sau đó anh H, chị Đ đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận trong hợp đồng, do đó Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ trên sang nợ quá hạn vào ngày 27/7/2018

và đã thông báo cho anh H, chị Đ. Sau khi Ngân hàng chuyển toàn bộ số nợ trên sang nợ quá hạn thì anh H chị Đ tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng số tiền gốc là 11.110.000 đồng và trả 7.902.190 đồng tiền lãi và 274.928 đồng lãi phạt chậm trả. Tính đến ngày 17/9/2020 anh H chị Đ còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 912.200.983 đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 622.240.000 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 9.438.817 đồng, nợ lãi quá hạn là 249.245.962 đồng, lãi phạt chậm trả là 31.276.204 đồng.

Khoản vay thứ 3: Ngày 21/8/2017, Anh Nguyễn Quốc H và Chị Bùi Thị Đ đã ký Hợp đồng cho vay số LN1708100147756 vay của Ngân hàng TMCP - Chi nhánh Nghệ An (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) số tiền 910.000.000 (Chín trăm triệu) đồng theo khế ước nhận nợ số LN1708100147756 ngày 21/8/2017. Thời hạn vay 72 tháng, tính từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên (21/8/2017 đến ngày 21/8/2023). Mục đích vay để mua ô tô. Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân đầu tiên là 12,5%/năm. Lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần vào các ngày 01/01, 01/04, 01/7, 01/10 hàng năm, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 01/01/2018. Lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 3,5%/năm; lãi suất bán vốn là mức lãi suất do Hội sở chính của bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là 72 tháng và kỳ điều chỉnh lãi suất là ba tháng. Lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn. Lãi suất chậm trả đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Về thời hạn trả nợ gốc và lãi: Bên vay phải trả nợ gốc và lãi cho bên Ngân hàng định kỳ mỗi tháng một lần vào ngày 19 hàng tháng. Kỳ trả nợ gốc và lãi đầu tiên vào ngày 19/9/2017.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay trên là một chiếc xe ô tô tải hiệu CNHTC loại xe tải tự đổ, sơn màu nâu, số khung XSB2HN 197069, số máy 61547170107022897, biển kiểm soát 37C - 266.22, đăng ký mang tên Nguyễn Quốc H. Theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1708100147756 ngày 21/8/2017 và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Đà Nẵng.

Quá trình thực hiện hợp đồng tính đến ngày 29/6/2018 anh H, chị Đ đã trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 113.742.000 (Một trăm mười ba triệu, bảy trăm bốn mươi hai nghìn) đồng và 81.415.175 (Tám mươi một triệu bốn trăm mười lăm ngàn một trăm bảy mươi lăm) đồng tiền lãi. Tuy nhiên, sau đó anh H, chị Đ đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận trong hợp đồng, do đó Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ trên sang nợ quá hạn vào ngày 19/7/2018 và đã thông báo cho anh H, chị Đ. Sau khi Ngân hàng chuyển toàn bộ số nợ trên sang nợ quá hạn thì anh H chị Đ đã phối hợp với Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp trên và đã trả nợ cho

Ngân hàng được số tiền gốc là 600.084.402 đồng và trả 8.196.475 đồng tiền lãi. Tính đến hết ngày 16/9/2020 anh H chị Đ còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 375.887.461 đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 196.173.585 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 10.161.749 đồng, nợ lãi quá hạn là 146.016.838 đồng, lãi phạt chậm trả là 23.535.289 đồng. Do anh H, chị Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ cả ba hợp đồng tín dụng nêu trên nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh H, chị Đ phải có nghĩa vụ thanh toán các hợp đồng tín dụng và hợp đồng vay như sau:

Buộc anh H, chị Đ thanh toán Hợp đồng tín dụng số 10787887 tính đến ngày 17/9/2020 số tiền nợ gốc là 525.000.000 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 9.658.193 đồng, nợ lãi quá hạn là 212.093.747 đồng, tổng cả gốc và lãi là 746.751.940 đồng.

Buộc anh H, chị Đ thanh toán Hợp đồng tín dụng số 12196313 tính đến ngày 17/9/2020 số tiền nợ gốc là 622.240.000 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 9.438.817 đồng, nợ lãi quá hạn là 249.245.962 đồng, phạt chậm trả là 31.276.204 đồng, tổng cả gốc, lãi và lãi phạt chậm trả là 912.200.983 đồng.

Buộc anh H, chị Đ thanh toán Hợp đồng cho vay số LN1708100147756 tính đến ngày 17/9/2020 số tiền nợ gốc là 196.173.585 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 10.161.749 đồng, nợ lãi quá hạn là 146.016.838 đồng, phạt chậm trả là 23.535.289 đồng, tổng cả gốc và lãi là 375.887.461 đồng.

Tổng số tiền buộc anh H, chị Đ phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng theo hai hợp đồng tín dụng và một hợp đồng cho vay là 2.034.840.384 đồng, trong đó nợ gốc của cả ba hợp đồng là 1.343.413.585 đồng, nợ lãi trong hạn là 29.258.759 đồng, nợ lãi quá hạn tính đến ngày 17/9/2020 là 607.356.547 đồng, phạt chậm trả là 54.811.493 đồng.

Trường hợp Anh Nguyễn Quốc H, Chị Bùi Thị Đ không trả hoặc trả không đầy đủ khoản nợ trên thì đề nghị Tòa án xử lý tài sản thế chấp gồm: Một chiếc xe ô tô tải hiệu Dong Feng DFL - loại xe tải tự đổ, sơn màu vàng, số khung DD37FH119735, số máy 3403078164896, biển kiểm soát 37C - 237.37, đăng ký mang tên Nguyễn Quốc H. Theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số 10787887 ngày 20/12/2016; một chiếc xe ô tô tải hiệu Dong Feng DFL loại xe tải tự đổ, sơn màu vàng, số khung C438G2816538, số máy 3A10E2G30002, biển kiểm soát 37C - 243.75, đăng ký mang tên Nguyễn Quốc H. Theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số 12196313 ngày 27/02/2017.

Sau khi xử lý tài sản thế chấp không đủ trả nợ cho ngân hàng theo các hợp đồng nêu trên thì yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh H, chị Đ tiếp tục trả nợ cho ngân hàng đến khi trả nợ xong cả ba hợp đồng.

Đối với tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu chiếc xe ô tô tải hiệu CNHTC loại xe tải tự đổ, sơn màu nâu, số khung XSB2HN 197069, số máy

61547170107022897, biển kiểm soát 37C - 266.22, đăng ký mang tên Nguyễn Quốc H. Theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1708100147756 ngày 21/8/2017, đăng ký mang tên Nguyễn Quốc H theo hợp đồng cho vay số LN1708100147756, anh H, chị Đ đã phối hợp với Ngân hàng xử lý để thu hồi nợ cho Ngân hàng xong nên không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết đối với tài sản bảo đảm này.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí xem xét tại chỗ theo quy định của pháp luật và buộc bị đơn phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân hàng toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ mà ngân hàng đã nộp tạm ứng là 2.000.000 (Hai triệu) đồng.

Đối với bị đơn Anh Nguyễn Quốc H và Chị Bùi Thị Đ: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã tiến hành tổng đạt và niêm yết Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ... nhiều lần nhưng anh H, chị Đ vẫn không có mặt.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 26/6/2020, Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản đang thế chấp là một chiếc xe ô tô tải hiệu Dong Feng DFL loại xe tải tự đổ, sơn màu vàng, số khung DD37FH119735, số máy 3403078164896, biển kiểm soát 37C - 237.37, đăng ký mang tên Nguyễn Quốc H và một chiếc xe ô tô tải hiệu Dong Feng DFL loại xe tải tự đổ, sơn màu vàng, số khung C438G2816538, số máy 3A10E2G30002, biển kiểm soát 37C - 243.75, đăng ký mang tên Nguyễn Quốc H. Mặc dù, Tòa án đã thông báo, niêm yết đầy đủ quyết định xem xét thẩm định tại chỗ nhưng anh H vắng mặt. Anh H vắng mặt tại thời điểm xem xét thẩm định tại chỗ nên không xác định được tài sản thế chấp hiện đang ở đâu, do ai quản lý. Bị đơn Chị Bùi Thị Đ không biết hiện tài sản thế chấp đang ở đâu, do ai quản lý. Phía nguyên đơn cũng không có bất kỳ thông tin hay biết tài sản thế chấp hiện đang ở đâu, do ai quản lý.

Với nội dung trên Bản án sơ thẩm đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; các Điều 147; 157; 158; khoản 2 điều 227; các Điều 271; 273 - BLTTDS; các Điều 318; 319; 323; 342; 343; 351; 355; 424; 425; 471; 474 - Bộ luật dân sự năm 2005; các Điều 274; 275; 280; 288; 299; 319; 418; 422; 424; 463; 466 và Điều 688 - Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 91; 95 - Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch đảm bảo; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V (VPBank):

1. Buộc Anh Nguyễn Quốc H, Chị Bùi Thị Đ phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán hai hợp đồng tín dụng và một hợp đồng vay cho Ngân hàng TMCP V (VPBank), cụ thể như sau:

Số tiền nợ gốc là 525.000.000 (Năm trăm hai mươi lăm triệu) đồng, nợ lãi trong hạn là 9.658.193 (Chín triệu, sáu trăm năm mươi tám nghìn, một trăm chín mươi ba) đồng, nợ lãi quá hạn tính đến ngày 17/9/2020 (ngày xét xử sơ thẩm) là 212.093.747 (Hai trăm mười hai triệu, không trăm chín mươi ba nghìn, bảy trăm bốn mươi bảy) đồng, tổng số tiền là 746.751.940 (Bảy trăm bốn mươi sáu triệu, bảy trăm năm mươi một nghìn, chín trăm bốn mươi) đồng, theo hợp đồng tín dụng số 10787887 ngày 20/12/2016.

Số tiền nợ gốc là 622.240.000 (Sáu trăm hai mươi hai triệu, hai trăm bốn mươi nghìn) đồng nợ lãi trong hạn là 9.438.817 (Chín triệu, bốn trăm ba mươi tám nghìn, tám trăm mười bảy) đồng, nợ lãi quá hạn tính đến ngày 17/9/2020 (ngày xét xử sơ thẩm) là 249.245.962 (Hai trăm bốn mươi chín triệu, hai trăm bốn mươi lăm nghìn, chín trăm sáu mươi hai) đồng phạt chậm trả là 31.276.204 (Ba mươi một triệu, hai trăm bảy mươi sáu nghìn, hai trăm linh bốn đồng), tổng số tiền là 912.200.983 (Chín trăm mười hai triệu, hai trăm nghìn, chín trăm tám mươi ba) đồng theo hợp đồng tín dụng số 12196313 ngày 27/02/2017.

Số tiền nợ gốc là 196.173.598 (Một trăm chín mươi sáu triệu, một trăm bảy mươi ba nghìn, năm trăm chín mươi tám) đồng, nợ lãi trong hạn là 10.161.749 đồng (Mười triệu, một trăm sáu mươi một nghìn, bảy trăm bốn mươi chín) đồng, nợ lãi quá hạn tính đến ngày 17/9/2020 (ngày xét xử sơ thẩm) là 146.016.838 (Một trăm bốn mươi sáu triệu, không trăm mười sáu nghìn, tám trăm ba mươi tám) đồng, phạt chậm trả là 23.535.289 (Hai mươi ba triệu, năm trăm ba mươi lăm nghìn, hai trăm tám mươi chín đồng), tổng số tiền là 375.887.461 (Ba trăm bảy mươi lăm triệu, tám trăm tám mươi bảy nghìn, bốn trăm sáu mươi một) đồng, theo hợp đồng cho vay số LN1708100147756 ngày 21/8/2017.

Tổng số tiền buộc anh H, chị Đ có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP V (VPBank) theo hai hợp đồng tín dụng và một hợp đồng cho vay là 2.034.840.384 (Hai tỷ, không trăm ba mươi bốn triệu, tám trăm bốn mươi nghìn, ba trăm tám mươi bốn) đồng.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về lãi suất, án phí, quyền kháng cáo, nghĩa vụ thi hành án cho các đương sự.

Ngày 07/10/2020 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An có Quyết định kháng nghị số 1903/KNPT - VKS - DS kháng nghị Bản án sơ thẩm số 07/2020/DS-ST của Tòa án nhân dân thị xã Thái H với nội dung:

Tòa án cấp sơ thẩm đã có một số vi phạm sau:

1. Vi phạm về tố tụng

Theo quy định Điều 138 Bộ luật dân sự và Điều 85 Bộ luật tố tụng dân sự thì pháp nhân có quyền ủy quyền cho cá nhân, pháp nhân khác còn đại diện theo pháp luật của pháp nhân không có quyền ủy quyền, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận ủy quyền của Đại diện theo pháp luật của Ngân hàng thương mại cổ phần V, xác định người đại diện theo ủy quyền ông Phạm Anh Tuấn và đại diện ủy quyền lại Ông Phạm Thanh H tham gia tố tụng là không đúng quy định khoản 1 Điều 138 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 4 Điều 85 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Vi phạm về nội dung:

Bản án quyết định buộc Anh Nguyễn Quốc H và Chị Bùi Thị Đ phải liên đới trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền cụ thể:

+ Số tiền nợ gốc 525.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 9,658,193 đồng, nợ lãi quá hạn tính đến 17/9/2020 là 212.093.747 đồng, tổng số tiền là 746.751.940 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 10787887 ngày 20/12/2016.

+ Số tiền nợ gốc 622.240.000 đồng, nợ lãi trong hạn 9,438,817 đồng, nợ lãi quá hạn tính đến 17/9/2020 là 249,245,962 đồng, phạt chậm trả là 31.276.204 đồng, tổng số tiền là 912.200.983 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 12196313 ngày 27/02/2017.

+ Số tiền nợ gốc 196.173.598 đồng, nợ lãi trong hạn là 10.161.749 đồng, nợ lãi quá hạn tạm tính đến ngày 17/9/2020 là 146.016.838 đồng, phạt chậm trả là 23.535.289 đồng, tổng số tiền là theo Hợp đồng tín dụng số LN1708100147756 ngày 21/8/2017.

Ngân hàng TMCP V và Anh Nguyễn Quốc H, Chị Bùi Thị Đ ký kết hợp đồng tín dụng số 12196313 ngày 27/02/2017 và hợp đồng cho vay số LN 1708100 147756 ngày 21/8/2017, hai bên thỏa thuận bên vay phải trả lãi trong hạn, lãi quá hạn và lãi suất chậm trả đối với số tiền chậm trả. Khoản 3 Điều 7 Hợp đồng tín dụng ngày 27/02/2017 hai bên thỏa thuận khoản nợ lãi quá hạn sẽ phải chịu tiền phạt chậm trả được tính trên số tiền lãi chậm trả; Khoản 6 Điều 2 Hợp đồng vay ngày 21/8/2017, hai bên thỏa thuận lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả tính trên số dư lãi chậm trả là không đúng quy định điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2018/NQ-HĐTP ngày 1/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019 thì bên vay chỉ phải trả lãi đối với số tiền lãi trên nợ gốc chậm trả, không phải trả lại đối với số tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chậm trả tiền theo thỏa thuận của hai bên về mức lãi suất chậm trả tại hợp đồng đã ký kết thì lại chậm trả đối với tiền lãi trên nợ gốc chậm trả là:

+ Đối với hợp đồng tín dụng số 12196313 ngày 27/02/2017: Lãi chậm trả = 9,438,817 (lãi trên nợ gốc theo thỏa thuận tại hợp đồng) x 150% x 12,2% (Theo quy định tại khoản 3 Điều 7 của hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết ngày 27/02/2017) x thời gian chậm trả/360 ngày = 9.438.817 x 150% x 12,2% x 783 ngày/360 = 3.756.885 đồng

+ Đối với hợp đồng cho vay số LN 1708100147756 ngày 21/8/2017: Lãi chậm trả (tối đa theo thỏa thuận hợp đồng) = 10.161.749 (lãi trên nợ gốc theo thỏa thuận tại hợp đồng) x 10% (Theo quy định tại khoản 6 Điều 2 của hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết ngày 21/8/2017) x thời gian chậm trả/360 ngày 10.161.749 x 10% x 791 ngày/360 = 2.232.762 đồng.

Tổng số tiền lãi của số tiền lãi trên nợ gốc chậm trả của hai hợp đồng nêu trên là: 5.989.647 đồng.

Theo Điều 12 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao quy định Hợp đồng vay tài sản (bao gồm hợp đồng tín dụng và hợp đồng vay không phải là hợp đồng tín dụng) vừa có thỏa thuận phạt vi phạm, vừa có thỏa thuận lãi trên nợ gốc quá hạn thì Tòa án xem xét, quyết định theo nguyên tắc chỉ xử lý một lần đối với mọi hành vi không trả nợ đúng hạn. Trong vụ án này bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tiền lãi trên nợ gốc quá hạn theo hai hợp đồng nêu trên với số tiền 395.262.800 đồng nên không được buộc bị đơn phải chịu tiền phạt vi phạm.

Bản án sơ thẩm buộc Anh Nguyễn Quốc H, Chị Bùi Thị Đ phải trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền phạt chậm trả 54.811.493 đồng (trong đó 31.276.204 đồng theo hợp đồng tín dụng số 12196313 ngày 27/02/2017 và 23.535.289 đồng theo hợp đồng cho vay số LN 1708100147756 ngày 21/8/2017) là không đúng với quy định tại Điều 8, Điều 12 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, gây thiệt hại cho bị đơn.

Những vi phạm này cấp phúc thẩm có thể khắc phục được nên đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm về khoản tiền phạt lãi chậm trả.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An giữ nguyên nội dung quyết định kháng nghị, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm về khoản tiền phạt lãi chậm trả.

Đại diện Ngân hàng rút yêu cầu đối với số tiền phạt chậm trả là 54.811.493 đồng.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kết quả tranh tụng, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát và các đương sự tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1.1] Đối với nội dung kháng nghị Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm về tố tụng:

Theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “Cá nhân, pháp nhân có thể ủy quyền cho cá nhân, pháp nhân khác xác lập, thực hiện giao dịch dân sự”.

Khoản 4 Điều 85 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: "Người đại diện theo ủy quyền theo quy định Bộ luật dân sự là người đại diện theo ủy quyền trong tố tụng dân sự "

Như vậy, pháp nhân có quyền ủy quyền cho cá nhân, pháp nhân khác còn Đại diện theo pháp luật của pháp nhân không có quyền ủy quyền nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận ủy quyền của Đại diện theo pháp luật của Ngân hàng thương mại cổ phần V, xác định người đại diện theo ủy quyền ông Phạm Anh Tuấn và đại diện ủy quyền lại Ông Phạm Thanh Htham gia tố tụng là không đúng quy định khoản 1 Điều 138 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 4 Điều 85 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án cấp phúc thẩm đã yêu cầu đại diện Ngân hàng khắc phục thiếu sót này, nhưng do việc ủy quyền thống nhất trên toàn hệ thống nên chưa thể khắc phục được. Cần rút kinh nghiệm đối với Tòa án cấp sơ thẩm về nội dung này.

[2.2] Đối với nội dung kháng nghị Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm về nội dung:

Bản án quyết định buộc Anh Nguyễn Quốc H và Chị Bùi Thị Đ phải liên đới trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền cụ thể:

+ Số tiền nợ gốc 525.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 9,658,193 đồng, nợ lãi quá hạn tính đến 17/9/2020 là 212.093.747 đồng, tổng số tiền là 746.751.940 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 10787887 ngày 20/12/2016.

+ Số tiền nợ gốc 622.240.000 đồng, nợ lãi trong hạn 9,438,817 đồng, nợ lãi quá hạn tính đến 17/9/2020 là 249,245,962 đồng, phạt chậm trả là 31,276.204 đồng, tổng số tiền là 912.200.983 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 12196313 ngày 27/02/2017

+ Số tiền nợ gốc 196.173.585 đồng, nợ lãi trong hạn là 10.161.749 đồng, nợ lãi quá hạn tạm tính đến ngày 17/9/2020 là 146.016.838 đồng, phạt chậm trả là 23.535.289 đồng, tổng số tiền là theo Hợp đồng tín dụng số LN1708100147756 ngày 21/8/2017.

Bản án sơ thẩm buộc Anh Nguyễn Quốc H, Chị Bùi Thị Đ phải trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền phạt chậm trả 54.811.493 đồng (trong đó 31.276.204 đồng theo hợp đồng tín dụng số 12196313 ngày 27/02/2017 và 23.535.289 đồng theo hợp đồng cho vay số LN 1708100147756 ngày 21/8/2017) là không đúng với quy định

tại Điều 8, Điều 12 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, gây thiệt hại cho bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Ngân hàng đã rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền phạt chậm trả, bị đơn chấp nhận việc rút yêu cầu khởi kiện này, do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm về khoản tiền phạt lãi chậm trả cho phù hợp, đảm bảo quyền lợi cho đương sự.

Về án phí: Do có thay đổi về số tiền bị đơn phải trả nên cần sửa phần án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm về khoản tiền phạt lãi chậm trả.

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; các Điều 147; 157; 158; khoản 2 điều 227; các Điều 271; 273 - BLTTDS; các Điều 318; 319; 323; 342; 343; 351; 355; 424; 425; 471; 474 - Bộ luật dân sự năm 2005; các Điều 274; 275; 280; 288; 299; 319; 418; 422; 424; 463; 466 và Điều 688 - Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 91; 95 - Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch đảm bảo; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V (VPBank):

1. Buộc Anh Nguyễn Quốc H, Chị Bùi Thị Đ phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán hai hợp đồng tín dụng và một hợp đồng vay cho Ngân hàng TMCP V (VPBank), cụ thể như sau:

Số tiền nợ gốc là 525.000.000 (Năm trăm hai mươi lăm triệu) đồng, nợ lãi trong hạn là 9.658.193 (Chín triệu, sáu trăm năm mươi tám nghìn, một trăm chín mươi ba) đồng, nợ lãi quá hạn tính đến ngày 17/9/2020 (ngày xét xử sơ thẩm) là 212.093.747 (Hai trăm mười hai triệu, không trăm chín mươi ba nghìn, bảy trăm bốn mươi bảy) đồng, tổng số tiền là 746.751.940 (Bảy trăm bốn mươi sáu triệu, bảy trăm năm mươi một nghìn, chín trăm bốn mươi) đồng, theo hợp đồng tín dụng số 10787887 ngày 20/12/2016.

Số tiền nợ gốc là 622.240.000 (Sáu trăm hai mươi hai triệu, hai trăm bốn mươi nghìn) đồng nợ lãi trong hạn là 9.438.817 (Chín triệu, bốn trăm ba mươi tám nghìn, tám trăm mười bảy) đồng, nợ lãi quá hạn tính đến ngày 17/9/2020 (ngày xét xử sơ thẩm) là 249.245.962 (Hai trăm bốn mươi chín triệu, hai trăm bốn mươi lăm nghìn,

chín trăm sáu mươi hai). Tổng số tiền là 880.924.779 (Tám trăm tám mươi triệu chín trăm hai mươi tư nghìn bảy trăm bảy mươi chín) đồng theo hợp đồng tín dụng số 12196313 ngày 27/02/2017.

Số tiền nợ gốc là 196.173.585 (Một trăm chín mươi sáu triệu, một trăm bảy mươi ba nghìn, năm trăm tám mươi lăm) đồng, nợ lãi trong hạn là 10.161.749 (Mười triệu, một trăm sáu mươi một nghìn, bảy trăm bốn mươi chín) đồng, nợ lãi quá hạn tính đến ngày 17/9/2020 (ngày xét xử sơ thẩm) là 146.016.838 (Một trăm bốn mươi sáu triệu, không trăm mười sáu nghìn, tám trăm ba mươi tám) đồng. Tổng số tiền là 352.352.172 (Ba trăm năm mươi hai triệu, ba trăm năm mươi hai nghìn, một trăm bảy mươi hai) đồng theo hợp đồng cho vay số LN1708100147756 ngày 21/8/2017.

Tổng số tiền buộc anh H, chị Đ có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP V (VPBank) theo hai hợp đồng tín dụng và một hợp đồng cho vay là 1.980.028.891 (Một tỉ, chín trăm tám mươi triệu, không trăm hai mươi tám nghìn, tám trăm chín mươi một) đồng.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, anh H, chị Đ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ này.

3. Về án phí: Buộc Anh Nguyễn Quốc H và Chị Bùi Thị Đ phải chịu 71.400.867 (Bảy mươi một triệu, bốn trăm nghìn, tám trăm sáu mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND thị xã Thái H;
- Chi Cục THADS thị xã Thái H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Thị Hồng Vân

